TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10/8/2021
Về việc: "Xin ly hôn"

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đình Minh
Các Hội thẩm N dân:
1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án N dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị Kiều T – Sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Trần Hữu H – Sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thái Thị Kiều T trình bày*:* Vào năm 2017 chị T, anh H đăng ký kết hôn tại ủy ban N dân xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hôn N tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, không ai quan tâm đến ai hết. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được, vậy nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu H.

- Về con chung: anh, chị có 01 con chung là cháu Trần Hữu N, sinh ngày 16/8/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu An cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả thu thập chứng cứ: Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2021 của Tòa án N dân huyện Đắk Mil: Về nguyên N mâu thuẫn giữa chị T với anh H thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn N: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thái Thị Kiều T. Chị Thái Thị Kiều T được ly hôn với anh Trần Hữu H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hữu N, sinh ngày 16/8/2017 cho chị Thái Thị Kiều T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Thái Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn anh Trần Hữu H có địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án N dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Hữu H, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hữu H vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 18/6/2021 Tòa án N dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho anh Trần Hữu H biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án N dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Trần Hữu H vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của Trần Hữu H đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trần Hữu H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án N dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Trần Hữu H là phù hợp.

Chị Thái Thị Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Thái Thị Kiều T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Thái Thị Kiều T:

[2.1] Về hôn N: Chị Thái Thị Kiều T và anh Trần Hữu H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban N dân xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 17/01/2017. Hôn N hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị T thừa nhận chị không còn tình cảm với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn N vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy**,** mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn N của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn N và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và giải quyết cho chị Thái Thị Kiều T được ly hôn với anh Trần Hữu H.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Trần Hữu N, sinh ngày 16/8/2017 cho chị Thái Thị Kiều T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Thái Thị Kiều T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn N và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thái Thị Kiều T. Chị Thái Thị Kiều T được ly hôn với anh Trần Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hữu N, sinh ngày 16/8/2017 cho chị Thái Thị Kiều T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi trưởng thành. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004883 ngày 10/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Lao;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đình Minh